

Số: 139/2020/QĐST- HNGĐ

M, ngày 27 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 131/2020/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

\* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lương Thị Huyền T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

- Anh Nguyễn Kim H, Sinh năm: 1994

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên -  
Cháu cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 14/7/2019

Đại diện theo pháp luật của cháu Q: Lương Thị Huyền T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường D, thị xã M, tỉnh Hưng Yên

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Chị Lương Thị Huyền T và anh Nguyễn Kim H kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D (Nay là UBND phường D) năm 2018, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị T, anh H đều đề nghị Tòa án nhân dân thị xã M công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự giữa anh chị. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã M thụ lý, giải quyết việc dân sự với quan hệ pháp luật là *Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự* là đúng thẩm quyền

theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 2 Điều Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Trong quá trình sống cùng nhau anh H, chị T xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống; kinh tế của vợ chồng có nhiều khó khăn. Anh chị đều xác định không thể tiếp tục chung sống nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Việc anh chị cùng thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là tự nguyện nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Anh chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Q sinh ngày 14/7/2019. Anh chị thỏa thuận thống nhất giao cháu Quân cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Q thành niên. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh H thỏa thuận thống nhất anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T. Thỏa thuận trên của anh chị là hoàn toàn tự nguyện nên được Tòa án ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung, về nợ, về ruộng nông nghiệp, công sức*: Anh chị thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Thỏa thuận trên của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Huyền T và anh Nguyễn Kim H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lương Thị Huyền T và anh Nguyễn Kim H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Q sinh ngày 14/7/2019. Anh chị thỏa thuận thống nhất giao cháu Q cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Q thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T, anh H thỏa thuận thống nhất anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

Chị T, anh H có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung, về nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Chị Lương Thị Huyền T và anh Nguyễn Kim H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lương Thị Huyền T tự nguyện chịu toàn bộ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0004326

ngày 13/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hưng Yên. Chi T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã M;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND phường D;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

***Trần Ngọc Lâm***